

ĐIỂM BÀI THU HOẠCH

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 04 (Hạ Lang)

Phần B.I. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Thắm Thị Bạch	7,50	Bảy phẩy năm	41	Triệu Thúy Mơ	7,50	Bảy phẩy năm
2	Triệu Thị Chiêm	7,00	Bảy	42	Hoàng Thị My	5,00	Năm
3	Nông Thị Chinh	7,50	Bảy phẩy năm	43	Nông Văn Nam	7,50	Bảy phẩy năm
4	Triệu Thị Chủ	7,75	Bảy phẩy bảy năm	44	Nông Thị Hoàng Nga	7,25	Bảy phẩy hai năm
5	Nông Thị Chuyên	7,50	Bảy phẩy năm	45	Lã Thị Nga	7,25	Bảy phẩy hai năm
6	Đàm Bích Diệp	7,50	Bảy phẩy năm	46	Đường Văn Ngọc	7,00	Bảy
7	Phạm Thị Dịu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	47	Phùng Ánh Nguyệt	8,00	Tám
8	Thắm Thị Duyên	8,00	Tám	48	Mã Lý Nhung	5,00	Năm
9	Hoàng Thị Định	7,50	Bảy phẩy năm	49	Trần Thị Phương	7,50	Bảy phẩy năm
10	Bé Thị Doan	7,50	Bảy phẩy năm	50	Phạm Thị Phượng	7,75	Bảy phẩy bảy năm
11	Nông Thị Hồng Gấm	7,25	Bảy phẩy hai năm	51	Nông Thị Quy	7,25	Bảy phẩy hai năm
12	Phùng Thị Thu Hằng	8,00	Tám	52	Nông Thị Riên	7,50	Bảy phẩy năm
13	Hoàng Văn Hành	7,75	Bảy phẩy bảy năm	53	Nông Văn Siên	5,50	Năm phẩy năm
14	Hoàng Minh Hậu	7,50	Bảy phẩy năm	54	Hoàng Thị Tâm	5,00	Năm
15	Nông Thị Hiền	7,50	Bảy phẩy năm	55	Nông Thị Thạch	7,50	Bảy phẩy năm
16	Đàm Văn Hiệp	7,50	Bảy phẩy năm	56	Đinh Việt Thiện	6,50	Sáu phẩy năm
17	Hoàng Thị Hoa	7,25	Bảy phẩy hai năm	57	Mã Thị Thiệp	5,00	Năm
18	Phan Triệu Học	6,00	Sáu	58	Nông Thị Thoa	7,25	Bảy phẩy hai năm
19	Nông Thị Hồng	7,50	Bảy phẩy năm	59	Bé Văn Thoại	7,00	Bảy
20	Nông Thị Hợp	8,00	Tám	60	Nông Thị Thu	5,00	Năm
21	Nông Văn Huân	7,50	Bảy phẩy năm	61	Nông Ngọc Thụ	8,00	Tám
22	Triệu Bích Huệ	7,50	Bảy phẩy năm	62	Mã Thị Thương	8,00	Tám

UR

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
23	Nông Thế Hùng	7,25	Bảy phẩy hai năm	63	Hà Văn Thượng	8,00	Tám
24	Nông Thanh Hùng	8,00	Tám	64	Mã Thị Thùy	5,00	Năm
25	Đàm Thị Hường	7,25	Bảy phẩy hai năm	65	Nông Linh Thủy	8,00	Tám
26	Hoàng Thị Bích Huyền	7,25	Bảy phẩy hai năm	66	Lương Thị Thủy	7,50	Bảy phẩy năm
27	Hoàng Thị Thu Huyền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	67	Hoàng Văn Tú	7,50	Bảy phẩy năm
28	Đường Thị Kết	8,00	Tám	68	Hoàng Thị Bích Từ	7,50	Bảy phẩy năm
29	Lương Thị Vân Khánh	7,50	Bảy phẩy năm	69	Bạch Văn Tùng	7,50	Bảy phẩy năm
30	Lương Thị Hồng Lê	7,50	Bảy phẩy năm	70	Phạm Thị Tươi	7,50	Bảy phẩy năm
31	Lương Thị Liễu	8,00	Tám	71	Triệu Thị Tuyên	7,50	Bảy phẩy năm
32	Nông Thị Linh	8,00	Tám	72	Trần Thị Tuyết	5,00	Năm
33	Hoàng Thị Loan	7,50	Bảy phẩy năm	73	Bé Thị Ánh Tuyết	8,00	Tám
34	La Thị Loan	7,50	Bảy phẩy năm	74	Lộc Thị Vân	5,00	Năm
35	Nông Thị Thanh Loan	8,00	Tám	75	Lý Thị Vân	6,00	Sáu
36	Phạm Minh Loan	8,00	Tám	76	Nông Thị Vân	7,50	Bảy phẩy năm
37	Hà Thị Luyên	8,25	Tám phẩy hai	77	Lộc Thị Viên	7,50	Bảy phẩy năm
38	Nông Thị Luyến	6,50	Sáu phẩy năm	78	Chu Văn Xuyên	6,75	Sáu phẩy bảy năm
39	Đàm Thị Mến	8,00	Tám	79	Hứa Văn Du	7,50	Bảy phẩy năm
40	Long Nông Nữ Minh	8,00	Tám				

Điểm 5,00: 08 điểm; Điểm 5,50: 01 điểm; Điểm 6,00: 02 điểm; Điểm 6,50: 02 điểm; Điểm 6,75: 01 điểm;
Điểm 7,00: 03 điểm; Điểm 7,25: 09 điểm; Điểm 7,50: 30 điểm; Điểm 7,75: 05 điểm; Điểm 8,00: 14 điểm;
Điểm 8,25: 04 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG

Uhu

Uhu



Bé Thị Hương

Đoàn Thị Vân thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa